

Trà Vinh, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Số: 01 /BC-BCĐ

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn tỉnh năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kiện toàn bộ máy, ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện

Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 được củng cố, kiện toàn tại Quyết định số 4047-QĐ/TU ngày 25/10/2018 của Tỉnh ủy Trà Vinh với 31 thành viên và kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh với 25 thành viên (*kiêm nhiệm*). Theo đó cấp huyện, xã đã kiện toàn Ban Chỉ đạo và bộ phận giúp việc của cấp mình.

Đồng thời, tỉnh đã ban hành trên 18 văn bản tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; các Sở, ban ngành tỉnh đã ban hành 30 văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể các tiêu chí theo ý kiến chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy.

(Đính kèm PL 01)

2. Công tác tuyên truyền, vận động

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, công tác tuyên truyền, vận động luôn được quan tâm chỉ đạo, chú trọng đổi mới về nội dung và hình thức. Các cấp ủy, chính quyền và các ngành có tập trung triển khai thực hiện nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức của toàn xã hội về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, ý nghĩa, nội dung các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; tiêu chuẩn xây dựng gia đình văn hóa, nông thôn mới, ấp văn hóa, ấp nông thôn mới. Các Sở, ban ngành tỉnh tập trung ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành phụ trách và lồng ghép thực hiện tuyên truyền, vận động trên 60.461 cuộc, với 2.350.566 lượt người tham dự; Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tiếp tục cấp phát tài liệu tuyên truyền cho các địa phương¹; phối hợp Đài Phát thanh -

¹ Tờ bướm tuyên truyền Bộ tiêu chí vườn mẫu cả 2 thứ tiếng kinh và khmer (9.000 tờ); Quyển thông tin xây dựng nông thôn mới (900 quyển); Sổ tay Bộ tiêu chí nông thôn mới (1.000 quyển); Cài tạo bảng pano tuyên truyền (7 bảng).

Truyền hình tỉnh thực hiện 24 phóng sự về xây dựng nông thôn mới (*trong đó, Văn phòng Điều phối tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện 04 phóng sự*).

Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức lồng ghép, tuyên truyền về các tiêu chí nông thôn mới được 3.522 cuộc, với 104.521 lượt người tham dự. Các nội dung tuyên truyền vận động người dân chủ yếu là các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Chương trình xây dựng nông thôn mới; nội dung 19 tiêu chí xã nông thôn mới; bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; các tiêu chuẩn áp văn hóa, áp nông thôn mới; áp nông thôn mới kiểu mẫu; bộ tiêu chí vườn mẫu trong xây dựng nông thôn mới; tiêu chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới; vận động chỉnh trang cảnh quang môi trường; xây dựng hố xí hợp vệ sinh, xây dựng hàng rào cây xanh, phát hoang bụi rậm các tuyến đường giao thông nông thôn,...

(Đính kèm PL 02)

3. Công tác đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp

Văn phòng Điều phối NTM tỉnh phối hợp các huyện, thị xã, thành phố cử 12 cán bộ tham gia lớp tập huấn Chương trình OCOP do Trung ương tổ chức, để góp phần nâng cao trình độ cho cán bộ địa phương và ứng dụng, triển khai thực hiện Chương trình OCOP cho có hiệu quả.

Phối hợp với Ban Chỉ đạo các huyện, xã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ cấp huyện, xã được 24 lớp với trên 960 học viên về các nội dung liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Ngoài ra, cấp huyện đã tổ chức tập huấn được trên 50 lớp với trên 1.605 học viên về công tác xây dựng nông thôn mới cho cán bộ hội đoàn thể các ấp và người dân tiêu biểu trên địa bàn các xã.

Qua các lớp tập huấn đã giúp cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở cấp tỉnh, huyện, xã và ban ngành đoàn thể nâng cao kiến thức và hiểu rõ hơn về mục đích, ý nghĩa, phương pháp tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) từ đó góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới của Trung ương, tỉnh đã đề ra.

4. Công tác kiểm tra, giám sát

Thường trực Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra tình hình xây dựng và công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Trà Cú, Châu Thành, Càng Long và Hội đồng Nhân dân tỉnh đã giám sát kết quả thực hiện tiêu chí NTM huyện Càng Long.

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp các Sở, ngành tỉnh và Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã thực hiện trên 15 đợt kiểm tra, rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí NTM, NTM nâng cao trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; thường xuyên kiểm tra 13 xã đăng ký đạt chuẩn xã NTM năm 2020, 21 xã đăng ký đạt chuẩn xã NTM nâng cao; kiểm tra tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng huyện nông thôn mới của huyện Càng Long và thành phố Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

1. Kết quả thực hiện một số mục tiêu cơ bản

- Xã nông thôn mới: Trong năm, các địa phương đã nỗ lực thực hiện các tiêu chí. Kết quả cuối 2020 có 69/85 xã đạt 19/19 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 81% (trong đó có 60 xã được công nhận; tăng 12 xã so với năm 2019); xã đạt từ 14 tiêu chí trở lên có 7 xã, chiếm tỷ lệ 8,24%; xã dưới 14 tiêu chí có 9 xã, chiếm 10,59%, không còn xã dưới 10 tiêu chí; Số tiêu chí đạt bình quân/xã là 18,12 tiêu chí/xã (tăng 0,99 tiêu chí so với năm 2019);

- Xã nông thôn mới nâng cao: Đến nay, có 10 xã đạt 20/20 tiêu chí (trong đó có 02 xã: Long Đức và Tân Hùng có quyết định công nhận, 08 xã còn lại Văn phòng Điều phối NTM tỉnh đang hoàn thiện hồ sơ trình công nhận).

- Huyện nông thôn mới: Hiện nay, có 5/9 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (trong đó có 03 đơn vị: huyện Tiểu Cần, Cầu Kè và thị xã Duyên Hải có quyết định công nhận, 02 đơn vị còn lại: Càng Long và thành phố Trà Vinh đã hoàn chỉnh hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận).

2. Đối với áp NTM và gia đình văn hóa, nông thôn mới

Qua rà soát, báo cáo của BCD các huyện, thị xã, thành phố sau khi thực hiện sáp nhập các áp trên địa bàn các xã, toàn tỉnh hiện còn 641 áp, giảm 41 áp (theo Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 15/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX - Kỳ họp thứ 13 về việc sáp nhập áp, khóm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh).

Toàn tỉnh có 564/641 áp đạt chuẩn áp văn hóa, áp nông thôn mới, đạt 87,99% (tăng 154 áp so với năm 2019); có 209.037 hộ đạt chuẩn hộ gia đình văn hóa, nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 91,82% trên tổng số hộ phát động (tăng 12.603 hộ so với năm 2019).

(Đính kèm PL 05)

3. Kết quả huy động nguồn lực

3.1. Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tổng nguồn lực huy động là: **4.007.396,3 triệu đồng**, trong đó:

- Nguồn vốn Trung ương: 293.170 triệu đồng, chiếm 7,32%;
- Nguồn vốn địa phương (XSKT): 231.273 triệu đồng, chiếm 5,77%;
- Nguồn vốn lồng ghép: 1.257.265,3 triệu đồng, chiếm 31,37%;
- Nguồn vốn tín dụng: 2.150.078 triệu đồng, chiếm 53,65%;
- Nguồn vốn doanh nghiệp: 21.852 triệu đồng, chiếm 0,55%;
- Nguồn vốn dân đóng góp: 53.758 triệu đồng, chiếm 1,34%

(chủ yếu hiến đất, cây cối, hoa màu, ...).

Đến nay, kết quả giải ngân đạt 80,43% kế hoạch (*số liệu Sở Tài chính cung cấp*).

3.2. Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Tổng nguồn lực huy động là: **3.652.246 triệu đồng**, trong đó:

- Ngân sách Trung ương phân bổ thực hiện các dự án Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 105.372 triệu đồng, chiếm 2,89%;

- Nguồn vốn thực hiện các chính sách giảm nghèo (bao gồm vốn tín dụng): 3.535.174 triệu đồng chiếm 96,79%;

- Nguồn vốn huy động khác: 11.700 triệu đồng, chiếm 0,32%.

Kết quả giải ngân nguồn vốn đạt 84,20% kế hoạch.

(Đính kèm PL 7)

4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

4.1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Đến nay, 100% số xã đã được phê duyệt quy hoạch xây dựng NTM. Qua rà soát, hầu hết các xã đều có nhu cầu điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương và theo quy định của Trung ương. Trong đó, có 83/85 xã hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới (*02 xã còn lại: Tân Hiệp, Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú*). Sở Xây dựng đang tiếp tục phối hợp, hướng dẫn UBND huyện Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải lập quy hoạch xây dựng vùng huyện. Các huyện Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long và thị xã Duyên Hải đã hoàn thành Tiêu chí số 1 về quy hoạch nông thôn mới cấp xã và tiêu chí Quy hoạch nông thôn mới cấp huyện.

4.2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Trong năm 2020, với sự hỗ trợ từ nguồn vốn Trung ương, địa phương và lồng ghép các chương trình, dự án, BCD cấp huyện, xã tích cực vận động nhân dân hiến đất, cây cối, hoa màu, ngày công lao động để thực hiện các công trình cơ sở hạ tầng nhằm hoàn thiện từng tiêu chí, cụ thể:

- Về tiêu chí Giao thông, từ nhiều nguồn vốn của các Bộ, ban ngành Trung ương và địa phương đã và đang triển khai đầu tư xây dựng trên 20 dự án (*tổng chiều dài đường 11.419 km và 32 cầu với chiều dài 1.306*). Nâng tổng số đến nay, toàn tỉnh có 976,82/981,87 km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được cứng hóa, đúng theo quy định, chiếm tỷ lệ 99,48%; có 1.224,69/1.760,16 km đường trục ấp và đường liên ấp được cứng hóa, chiếm tỷ lệ 69,58%; 1.109,62/1.634,33 km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, chiếm tỷ lệ 67,9%; 699,61/1.103,41km đường trục chính nội đồng, chiếm tỷ lệ 63,4%; về Thủy lợi thực hiện được trên 506 công trình thủy lợi nội đồng, dài trên 725.232 m, khối lượng đào đắp trên 3.595.996 m³; về Điện đến nay trên địa bàn tỉnh có 280.981/286.248 hộ sử dụng điện an toàn, thường xuyên từ các nguồn, đạt 97,9%; về trường học, các địa phương đã có nhiều nỗ lực trong việc sử dụng nguồn vốn được giao và các nguồn lồng ghép khác để xây dựng cơ sở vật chất trường học, trong đó ưu tiên đầu tư các trường thuộc các xã

xây dựng NTM trong năm 2020, đến nay toàn tỉnh có 127 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 31,05%².

- Về Cơ sở vật chất văn hóa hỗ trợ mua sắm trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi cho 56 xã; Hỗ trợ lắp đặt panô tuyên truyền thực hiện tiêu chí xây dựng “Xã văn hóa nông thôn mới” cho 23 xã (01 panô/xã), với tổng kinh phí 2,4 tỷ đồng; về Thông tin và Truyền thông nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho đài, trạm truyền thanh cho 08 huyện, thị xã; đầu tư nâng cấp 13 trạm truyền thanh xã, thị trấn và bổ sung 480 cụm loa không dây cho các xã trên địa bàn tỉnh với tổng vốn đầu tư trên 14 tỷ đồng; về Nhà ở dân cư đã hỗ trợ 1.000 căn nhà cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ với tổng kinh phí là 25 tỷ đồng.

- Về Y tế, trong năm 2020, Sở Y tế đã tổ chức triển khai thực hiện Dự án “Đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế tại các trạm Y tế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”. Hệ thống xử lý nước thải y tế được đầu tư theo công nghệ mới Biotech AAO (bao gồm hệ thống thu gom nước thải và module xử lý) cho 38 Trạm Y tế trên địa bàn các huyện³, với tổng vốn đầu tư 5 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh (xổ số kiến thiết) để chuẩn bị thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ tuyến y tế cơ sở”; thời gian thực hiện từ 2020 – 2024, gồm các hạng mục: Đầu tư xây mới 11 Trạm Y tế, nâng cấp cải tạo 18 Trạm Y tế và mua sắm trang thiết bị, với tổng vốn đầu tư trên: 115 tỷ đồng; vốn vay Ngân hàng thế giới (WB) và Ngân sách tỉnh đối ứng, để thực hiện gói thầu xây mới 05 trạm y tế xã⁴; về Môi trường và an toàn thực phẩm, đến nay tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 99,7%, trong đó tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt 71,5%, Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện 09 dự án/nhiệm vụ⁵. Trình UBND tỉnh phê duyệt 10 báo cáo ĐTM, tham gia Hội đồng thẩm định cấp Bộ 02 dự án⁶; xác nhận 02 Kế hoạch BVMT; kiểm tra xác nhận hoàn thành hạng mục công trình BVMT 02 dự án và đã cấp giấy xác nhận 01 dự án; phúc đáp 02 đơn đăng ký và cấp 01 sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Vận hành 02 trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục để giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh các dự án thuộc Trung tâm Điện lực Duyên Hải.

² 11/93 trường mẫu giáo (11,82%), 04/19 trường mầm non (21,05%), 79/163 trường tiểu học (48,47%), 25/101 trường THCS (24,75%) và 08/34 trường THPT (23,52%).

³ Càng Long, Cầu Ngang, Cầu Kè, Châu Thành, Trà Cú, Duyên Hải, Tiểu Cần và thị xã Duyên Hải.

⁴ An Trường A, Nhị Long, Long Hòa, Long Hiệp và An Quảng Hữu.

⁵ Dự án Xử lý ô nhiễm môi trường tại bãi rác thành phố Trà Vinh; Dự án Mua sắm lò đốt rác thải sinh hoạt xã Hoà Ân, huyện Cầu Kè; xã Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang; 04 xã đảo huyện Duyên Hải; Dự toán mua sắm lò đốt rác thải sinh hoạt cụm xã Long Hòa – Hòa Minh, huyện Châu Thành; Kế hoạch Quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2020; Kế hoạch Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn, kiểm định, vật tư hao, sửa chữa thay thế thiết bị của hai trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục; Kế hoạch vận hành máy chủ và các thiết bị giám sát đặt tại Phòng điều khiển của Trung tâm (tiền điện, nhân công, thiết bị) của hai trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục; Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Trà Vinh 05 năm (2016-2020); Kế hoạch Truyền thông môi trường; Dự án “Xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn năm 2020”.

⁶ Dự án Bến Càng chuyên dùng phục vụ dự án Nhiệt điện Duyên Hải 2; Dự án “Khu neo chuyển tải tạm thời tại Duyên Hải – Trà Vinh”.

Đến nay, tiêu chí Giao thông có 83/85 xã đạt; Thủy lợi có 85/85 xã đạt; Điện có 85/85 xã đạt; Trường học có 71/85 xã đạt; Cơ sở vật chất văn hóa có 84/85 xã đạt; Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn có 85/85 xã đạt; Thông tin và Truyền thông có 85/85 xã đạt; Nhà ở dân cư có 70/85 xã đạt; Y tế có 85/85 xã đạt; Môi trường và an toàn thực phẩm có 74/85 xã đạt.

4.3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

Trong năm 2020, có 2.506,08 ha đất lúa được chuyển đổi sang trồng cây hàng năm, lâu năm hoặc kết hợp với nuôi trồng thủy sản (trồng cây hàng năm 1.143,63 ha hiệu quả tăng từ 1,22-3,5 lần; trồng dưa và cây ăn trái 1.150,35 ha và nuôi trồng thủy sản 112,1 ha, hiệu quả tăng từ 2,8-7,5 lần); cải tạo vườn tạp 144,6 ha⁷; cải tạo giồng tạp chuyển sang trồng màu 100,1 ha ở huyện Tiểu Cần; chuyển đổi 1.054,5 ha mía kém hiệu quả⁸ sang trồng lúa, hoa màu, trồng cỏ, cây ăn trái và nuôi thủy sản⁹. Trong nuôi thủy sản, chuyển đổi từ các con nuôi khác sang nuôi tôm 5.857 ha, các hình thức nuôi khác sang nuôi thâm canh và bán thâm canh khoảng 346 ha và chuyển 195 ha từ các hình thức nuôi khác sang nuôi thâm canh mật độ cao. Nâng tổng số đến nay toàn tỉnh có khoảng 11.492 ha nuôi theo hình thức thâm canh và bán thâm canh¹⁰, góp phần nâng năng suất, sản lượng. Từ đó nâng mức thu nhập bình đầu người toàn tỉnh ước đạt 42 triệu đồng/người/năm.

- *Về Chương trình mỗi xã một sản phẩm*: Năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công thêm 31 sản phẩm đạt sản phẩm OCOP, nâng tổng số đến nay toàn tỉnh có 56 sản phẩm (01 sản phẩm tiềm năng 5 sao, 13 sản phẩm 4 sao, 42 sản phẩm 3 sao). Tổ chức triển khai 26 lớp tập huấn về Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2020 cho cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã (bình quân 30 học viên/lớp); Xây dựng kế hoạch các bước của doanh nghiệp đối tượng là cán bộ cấp xã và chủ thể sản phẩm. Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành các văn bản về Chương trình OCOP như: Rà soát hỗ trợ tư vấn thiết kế nhãn hiệu và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm cho các doanh nghiệp; rà soát đăng ký các sản phẩm tiềm năng đạt 5 sao để chuẩn bị hồ sơ đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp Quốc gia; đăng ký tham gia Hội chợ tại tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hòa Bình và tỉnh Lào Cai; tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại điểm giới thiệu và phân phối sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao.

- *Phát triển Làng nghề và ngành nghề nông thôn*: Trên địa bàn tỉnh, hiện có 13 làng nghề được UBND tỉnh công nhận, trong đó có: 02 làng nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, 06 làng nghề tiểu thủ công nghiệp và 05 làng nghề chế biến thực phẩm. Về ngành nghề nông thôn, đến nay, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án Phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2018-2020 tại Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 26/4/2018.

⁷ Cầu Kè 125 ha, Châu Thành 19,6 ha.

⁸ Trà Cú, Tiểu Cần và Duyên Hải.

⁹ Sang trồng lúa 478,9 ha, trồng hoa màu 161,9 ha, trồng cỏ nuôi bò 43,68 ha, trồng dưa 49,8 ha, cây ăn trái 5,6 ha, chuyên nuôi thủy sản 314,7 ha.

¹⁰ Trong đó có 635 ha nuôi thâm canh mật độ cao, tăng 1,44 lần so cùng kỳ.

- *Phát triển các loại hình Kinh tế hợp tác*: Trong năm, đã thành lập mới thêm 06 HTX, nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh có 145 HTX nông nghiệp - thủy sản. Số HTX nông nghiệp giải thể, ngưng hoạt động là 16 HTX (*trong đó có 09 HTX đã có quyết định giải thể, 07 HTX xử lý theo hướng củng cố lại bộ máy hoạt động*), trên địa bàn tỉnh chỉ còn 129 HTX nông nghiệp đang hoạt động; tổng diện tích đất tham gia hợp tác sản xuất 2.580 ha, với 8.081 thành viên; vốn điều lệ 95,27 tỷ đồng, thu hút 9.384 thành viên, tạo việc làm cho 742 lao động trong HTX. Đến nay tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất đã có 85/85 xã đạt tiêu chí.

4.4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

4.4.1. Kết quả hỗ trợ thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Trong năm 2020, từ nguồn vốn do ngân sách Trung ương phân bổ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 105.372 triệu đồng (*trong đó, vốn đầu tư phát triển: 73.919 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 31.453 triệu đồng*); các huyện đã triển khai đầu tư 85 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất, dân sinh và duy tu, bảo dưỡng 34 công trình trên địa bàn huyện nghèo, ấp, xã đặc biệt khó khăn; triển khai 89 dự án phát triển sản xuất, mô hình giảm nghèo hỗ trợ cho 1.579 hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, với nhiều mô hình khác nhau¹¹; tổ chức tập huấn, đối thoại chính sách giảm nghèo, học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh; lắp đặt panô tuyên truyền công tác giảm nghèo; sản xuất, biên tập, phát sóng chuyên mục giảm nghèo bền vững tuyên truyền trên Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Đài Truyền thanh cấp huyện và báo chí, tin ngắn, bài viết; kiểm tra, giám sát liên quan đến lĩnh vực giảm nghèo,...¹²

4.4.2. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo

Chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi: Trong năm, từ các Chương trình cho vay, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh đã giải ngân cho 34.941 lượt hộ vay vốn, với tổng số tiền 820.858 triệu đồng¹³. Ngoài ra, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh còn thực hiện các chương trình cho vay khác để thúc đẩy giảm nghèo¹⁴.

Chính sách hỗ trợ tiền điện: Thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo theo Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài

¹¹ Nuôi bò vỗ béo, nuôi bò sinh sản, nuôi vịt xiêm, nuôi heo thịt, nuôi gà, nuôi dê, nuôi cá kèo, trồng măng tây,...

¹² 80 lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho 4.354 cán bộ cơ sở và cộng đồng; 32 cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo, 02 chuyên học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh; lắp đặt 10 cụm panô, phát sóng 6 kỳ chuyên mục, 1.100 tin ngắn, 300 bài viết, 22 cuộc kiểm tra, giám sát.

¹³ 1.322 hộ nghèo vay, với số tiền 39.602 triệu đồng; 3.117 hộ cận nghèo vay, với số tiền 90.452 triệu đồng và 12.045 lượt hộ mới thoát nghèo vay, với số tiền 297.893 triệu đồng.

¹⁴ Giải quyết cho 878 học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay số tiền 34.922 triệu đồng; 7.779 hộ vay nước sạch, vệ sinh môi trường, với số tiền 88.935 triệu đồng; 4.076 hộ vay giải quyết việc làm, với số tiền 104.436 triệu đồng; 293 hộ vay xuất khẩu lao động, với số tiền 26.033 triệu đồng.

chính, trong năm 2020, toàn tỉnh đã hỗ trợ cho 8.832 hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập với số tiền 5.829 triệu đồng.

Chính sách hỗ trợ BHYT: Đã in, cấp phát thẻ BHYT hỗ trợ cho các nhóm đối tượng hộ nghèo về thu nhập; hộ nghèo thiếu hụt về BHYT; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người dân đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người dân đang sinh sống tại xã đảo; người dân đang sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển với tổng số thẻ đã phát hành 455.752 thẻ BHYT, với tổng số tiền 362.912 triệu đồng.

Chính sách hỗ trợ nhà ở: Tiếp tục thực hiện Đề án hỗ trợ nhà cho hộ nghèo theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg từ nguồn vốn vay ưu đãi NHCSXH, trong năm đã giải ngân cho 1.997 hộ vay vốn, với số tiền 79.880 triệu đồng (trong đó, ngân sách Trung ương hỗ trợ cho vay 40.520 triệu đồng).

Chính sách hỗ trợ đất ở: Thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở theo Nghị quyết số 69/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh: Tổng số hộ được Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt hỗ trợ là 131 hộ nghèo¹⁵. Chính sách hỗ trợ đất ở theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Toàn tỉnh có 18 hộ đủ điều kiện hỗ trợ đất ở¹⁶.

Chính sách hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh, tiền ăn, đi lại cho hộ nghèo: Trong năm, toàn tỉnh đã hỗ trợ cho 51.518 lượt người, với tổng kinh phí 8.297 triệu đồng¹⁷.

Chính sách đặc thù hỗ trợ cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số: Trong năm, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh đã giải ngân cho 142 hộ vay vốn phát triển sản xuất, với số tiền 5.782 triệu đồng, đạt 129,08% kế hoạch vốn phân bổ¹⁸.

4.4.3. Công tác Lao động – Việc làm

Trong năm toàn tỉnh tạo việc làm mới cho 16.100 lao động đạt 70% so với kế hoạch. Tư vấn, tuyển người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài cho 460 người, chiếm 51,11%.

Phối hợp cùng Ủy ban nhân dân các huyện và Công ty xuất khẩu lao động Nhật Huy Khang tổ chức 12 cuộc hội thảo việc làm trong và ngoài nước tại các huyện: Tiểu Cần, Cầu Ngang, Duyên Hải, Châu Thành và Càng Long. Kết quả có 1.446 lao động tham dự.

¹⁵ Có 04 hộ đã được hỗ trợ đất ở (trên địa bàn huyện Cầu Kè), 20 hộ đã tìm được quỹ đất, 01 hộ đã thu hồi đất nhưng chưa giao đất, còn lại 102 hộ chưa tìm được quỹ đất.

¹⁶ 08 hộ đã tìm được quỹ đất, 05 hộ chưa tìm được quỹ đất.

¹⁷ Hỗ trợ một phần chi phí khám chữa bệnh cho 54 lượt người, kinh phí 713 triệu đồng; hỗ trợ tiền ăn cho 25.917 lượt người, kinh phí 6.773 triệu đồng; hỗ trợ chi phí đi lại cho 24.917 lượt người, kinh phí 811 triệu đồng).

¹⁸ Vốn kế hoạch 4.416 triệu đồng và vốn thu hồi từ các năm trước đã tái đầu tư cho các hộ hưởng lợi theo Quyết định 2085 là 1.284 triệu đồng.

Thực hiện Kế hoạch số 1914/KH-LĐTBOXH ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Trà Vinh tổ chức 09 buổi hội thảo tư vấn việc làm, học nghề cho 483 lao động bị cắt giảm do Công ty TNHH giày da Mỹ Phong.

Thu thập, xử lý, cập nhật thông tin tuyển dụng niêm yết lên bảng thông tin thị trường lao động. Tiếp nhận, xử lý 225 thông tin tuyển dụng trong nước, 145 thông tin tuyển dụng ngoài nước.

Phê duyệt 20 hồ sơ việc tìm người; 32 hồ sơ người tìm việc. Đăng 375 tin, bài lên cổng thông tin điện tử, trang facebook, zalo Trung tâm.

4.4.4. Công tác giáo dục nghề nghiệp

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp đã thực hiện tuyển sinh, đào tạo nghề cho người 20.095/20.000 người đạt 100,47% so với kế hoạch, trong đó trình độ cao đẳng 702 sinh viên (đạt 62,67%) ; trung cấp 302 học sinh (đạt 46,17%, gồm chính quy 97 học sinh, hệ liên kết đào tạo 205 học sinh); trình độ sơ cấp: 1.990 lao động; các chương trình đào tạo thường xuyên khác: 17.101 lao động (đạt 104,74%).

Trong năm 2020, số học sinh, sinh viên tốt nghiệp là: 20.075 lao động, cụ thể gồm: trình độ cao đẳng 680 sinh viên; trình độ trung cấp là: 304 học sinh và trình độ sơ cấp 1.990 lao động, các chương trình đào tạo thường xuyên khác: 17.101 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020, đạt 68,46% trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35,74%.

Theo kết quả điều tra, rà soát cung – cầu lao động năm 2020 toàn tỉnh có tổng số 559.176 lao động trong độ tuổi có khả năng lao động, có 558.445 lao động có việc làm, trong đó: có 399.803 lao động có việc làm qua đào tạo, chiếm 71,50%.

4.4.4. Công tác giảm nghèo

Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020, toàn tỉnh còn 5.204 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,8% so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh, trong đó, hộ nghèo dân tộc Khmer còn 2.863 hộ, chiếm tỷ lệ 3,21% so với tổng số hộ dân cư dân tộc khmer (*chiếm tỷ lệ 55,01% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh*).

Tổng số hộ cận nghèo 16,650 hộ, chiếm tỷ lệ 5,76% so với tổng số hộ dân cư.

4.5. Phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cơ sở, công tác gia đình

4.5.1. Phát triển giáo dục

Công tác phổ cập giáo dục (PCGD): xóa mù chữ năm 2020: có 9/9 huyện – thị xã – thành phố đạt chuẩn PCGD mầm non trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; PCGD THCS: có 6/9 huyện – thành phố đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 và 3/9 huyện – Thị xã đạt chuẩn

PCGD THCS mức độ 3¹⁹. Có 106/106 đơn vị cấp xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và Phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và mức độ 3.

4.5.2. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cơ sở

a) Phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa”

Ban Chỉ đạo các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và có nhiều biện pháp nâng cao chất lượng, góp phần thúc đẩy phong trào xây dựng gia đình văn hóa đi vào nề nếp, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Tổ chức bình xét công khai, dân chủ, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định, kết quả đến nay có 244.753/270.708 hộ gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 90,41% so với tổng số hộ trong toàn tỉnh.

b) Mặt trận tham gia vận động nhân dân xây dựng đời sống văn hóa trong Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”

Kết quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” dưới sự chủ trì của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp có sự tham gia phối hợp của các ban ngành, đoàn thể. Tính đến nay toàn tỉnh có 665 khu dân cư đạt danh hiệu “khu dân cư văn hóa”. Kết quả nổi bật được khẳng định là phong trào đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo, tăng thu nhập cho người lao động; khơi dậy và phát huy truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, tinh thần đoàn kết tương thân tương ái ở cộng đồng dân cư. Ngoài ra phong trào đã góp phần phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương và quy ước, hương ước của cộng đồng, hăng hái tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước do các ngành, các cấp phát động.

c) Phong trào xây dựng “ấp, xóm văn hóa”, “xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”

- Phong trào xây dựng ấp, xóm văn hóa: Cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng ấp, xóm văn hóa. Qua kiểm tra, họp bình xét ấp, xóm văn hóa trên cơ sở củng cố, nâng cao chất lượng, đến nay trên địa bàn toàn tỉnh đã công nhận 665/756 ấp, xóm văn hóa, đạt tỷ lệ 87,96%.

- Phong trào xây dựng xã văn hóa nông thôn mới và phường, thị trấn văn minh đô thị: Ban Chỉ đạo các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới và phường, thị trấn văn minh đô thị bằng nhiều hình thức và nội dung đa dạng, phong phú, để mọi tầng lớp nhân dân nhận thức đầy đủ về vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội. Ban Chỉ đạo cấp huyện tổ chức phát động việc đăng ký xây dựng xã đạt danh hiệu “xã văn hóa nông thôn mới” và “phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”. Kết quả đến nay đã

¹⁹ Huyện Càng Long, Tiểu Cần, Thị xã Duyên Hải.

công nhận 64/85 xã đạt chuẩn “xã văn hóa nông thôn mới”, đạt tỷ lệ 75,29%; 14/21 phường, thị trấn đạt chuẩn “phường, thị trấn văn minh đô thị”, đạt tỷ lệ 66,66%.

d) Phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa

Việc xây dựng và công nhận đơn vị đạt chuẩn văn hóa trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể chính trị và doanh nghiệp đã đi vào nề nếp; Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật; duy trì và phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng; chú trọng xây dựng môi trường làm việc khang trang, xanh-sạch-đẹp, tự xây dựng cho mình lề lối, tác phong làm việc khoa học; đến nay trên địa bàn tỉnh đã công nhận 1.093/1.141 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa (đạt tỷ lệ 95,79%).

e) Phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các Đề án, Nghị định, Thông tư, Kế hoạch, Quyết định của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ thể dục, thể thao hoàn thiện hồ sơ cấp phép về lĩnh vực thể dục, thể thao để thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh các lĩnh vực thể dục, thể thao khi thực hiện thủ tục hành chính tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Kết quả tính đến nay có trên 300 cơ sở trên địa bàn tỉnh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thể dục, thể thao.

- Công tác phát triển thể dục, thể thao trong quần chúng nhân dân, trọng tâm là Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” được đẩy mạnh, phong trào rèn luyện sức khỏe thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Tính đến nay có 363.000 người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên, đạt 33%; số hộ gia đình đạt 21%, số trường Giáo dục thể chất nội khóa đạt 100%, số trường Ngoại khóa đạt 73%.

f) Phong trào học tập, lao động, sáng tạo

Công tác triển khai, thực hiện phong trào đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm và đạt hiệu quả tích cực, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng. Với tinh thần sáng tạo, bám sát nhiệm vụ chính trị của các địa phương trong tỉnh, đã cụ thể hóa thành nhiều phong trào với nội dung thi đua phong phú, phù hợp với đối tượng, đặc thù vùng miền, được triển khai sâu rộng đến 100% xã, phường, thị trấn, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng, các địa phương đặc biệt chú trọng đến công tác tuyên truyền việc thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đã có nhiều chuyển biến rõ rệt về ý thức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống, tinh thần “học tập” và “làm theo”, đoàn kết, thực hành tiết kiệm, sẵn sàng giúp nhau khi hoạn nạn, khó khăn, chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh, trong cuộc sống. Đến nay trên địa bàn tỉnh có 3.375 mô hình

học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (1.926 mô hình tập thể và 1.449 mô hình cá nhân), trong đó có 19 mô hình đã được nhân rộng trong toàn tỉnh.

g) Phong trào xây dựng “Người tốt việc tốt” và các điển hình tiên tiến

Phong trào xây dựng “Người tốt, việc tốt” đã góp phần xây dựng con người về tư tưởng, đạo đức, lối sống lành mạnh, xây dựng được những điển hình tiên tiến; tạo điểm sáng văn hóa, các mô hình, điển hình gia đình văn hóa, ấp - khóm văn hóa, đơn vị văn hóa có sức thuyết phục để nhân rộng Phong trào. Số lượng gia đình được công nhận gia đình văn hóa, ấp - khóm văn hóa tăng lên hàng năm, phát triển đồng đều ở các huyện, thị, thành phố với số lượng và chất lượng ngày càng cao. Công tác giữ gìn và phát huy các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn tỉnh; các lễ hội truyền thống, liên hoan dân ca, trò chơi dân gian, phong tục, nếp sống đẹp đã được phục hồi và phát triển.

4.6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

- Về nhân lực, các Trạm y tế cơ bản đảm bảo phục vụ khám, chữa bệnh và phòng bệnh theo tỷ lệ quy định 01 cán bộ y tế/2.000 dân. Trong năm 2020, Sở Y tế đã tổ chức triển khai thực hiện Dự án “Đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế tại các trạm Y tế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”, Hệ thống theo công nghệ mới Biotech AAO (bao gồm hệ thống thu gom nước thải và module xử lý) cho 38 Trạm Y tế trên địa bàn các huyện²⁰, tổng vốn đầu tư là 5 tỷ đồng từ nguồn vốn Ngân sách tỉnh (vốn xố số kiến thiết) và chuẩn bị đầu tư xây dựng dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ tuyến y tế cơ sở”, thời gian thực hiện dự án: 2020 – 2024, trong đó xây mới 11 Trạm Y tế, nâng cấp cải tạo 18 Trạm Y tế và mua sắm trang thiết bị, tổng vốn đầu tư: 115 tỷ đồng, từ nguồn vốn vay Ngân hàng thế giới (WB) và Ngân sách tỉnh đối ứng. Hiện đang phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu xây mới 05 trạm y tế xã²¹.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh đối chiếu số liệu cấp phát thẻ BHYT cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người DTTS, người đang sinh sống tại ấp đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang ven biển và xã đảo. Hiện nay, trên địa bàn 85 xã các nhóm đối tượng trên được cấp 100% thẻ BHYT. Bên cạnh đó, Sở Y tế phối hợp với các ban ngành đoàn thể, đặc biệt là Bảo hiểm xã hội tăng cường công tác tuyên truyền về quyền lợi khi tham gia BHYT và vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện, đến nay tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ở 85 xã đạt **96,63%**, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm 8,68% (4.803/55.348 trẻ em), giảm thêm 1,01% so với năm 2019.

4.7. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện

²⁰ Càng Long, Cầu Ngang, Cầu Kè, Châu Thành, Trà Cú, Duyên Hải, Tiểu Cần và thị xã Duyên Hải.

²¹ Xã An Trường A, Nhị Long, Long Hòa, Long Hiệp và An Quảng Hữu.

và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 04/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Trà Vinh 2020, đồng thời, Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-SNV ngày 11/02/2020 về việc bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2020²². Để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ theo chỉ tiêu được giao phụ trách là 18.5 (xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật) của tiêu chí 18 trong Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao, Sở Tư pháp tổ chức Đoàn kiểm tra, giám sát thực hiện công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật cấp xã; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh. Nhìn chung đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp xã cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ các văn bản như kế hoạch, quyết định phân công cụ thể từng cán bộ, công chức của xã phụ trách từng chỉ tiêu, tiêu chí và chấm điểm kết quả thực hiện các tiêu chí phục vụ tốt cho việc xem xét, đánh giá công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. Đến nay, tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật đã có 84/85 xã đạt tiêu chí (*tăng 12 xã so với năm 2019*).

4.8. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

Tiêu chí 19 về Quốc phòng và An ninh, đến nay đã có 85/85 xã đạt tiêu chí (*tăng 05 xã so với năm 2019*).

- Trên lĩnh vực Quốc phòng:

Công tác củng cố hệ thống chính trị gắn với quốc phòng, an ninh được xem là nội dung quan trọng trong Chương trình xây dựng nông thôn mới được cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị thường xuyên phối hợp địa phương tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh (*106/106 xã, phường, thị trấn*). Củng cố cán bộ Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn vững mạnh, đến nay đã sắp xếp đủ biên chế cán bộ Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng cho xã, phường, thị trấn; 100% chi bộ Quân sự xã có cấp ủy và 100% chi đoàn Quân sự đi vào hoạt động có nề nếp, đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Đến nay, đã xây dựng cơ bản 106/106 xã, phường, thị trấn vững mạnh về Quốc phòng – An ninh. Công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự luôn được Hội đồng

²² Tổ chức 07 lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên sâu cho cán bộ, công chức xã với số lượng 498 cán bộ, công chức tham gia, cụ thể như sau: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã: 74 cán bộ. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã: 146 cán bộ. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã: 67 cán bộ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã: 64 cán bộ. công chức Tài chính - Kế toán xã: 71 công chức. công chức Văn phòng; Thống kê xã: 76 công chức.

nghĩa vụ quân sự các cấp quan tâm, thực hiện tốt. Kết quả trong năm 2020, có 952 thanh niên trúng tuyển, đạt 100% chỉ tiêu²³.

- Trên lĩnh vực An ninh trật tự xã hội nông thôn:

Công an tỉnh và các đơn vị, huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện nội dung công tác xây dựng nông thôn mới cho toàn thể CBCS và lực lượng Công an xã quán triệt thực hiện được 36 cuộc có 2.481 lượt đồng chí dự. Đồng thời đẩy mạnh các biện pháp nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTTQ trên địa bàn tỉnh; trong đó, tập trung chỉ đạo, giải quyết hiệu quả các vấn đề nổi liên quan đến an ninh, trật tự; công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, ma túy... trên địa bàn nông thôn, nhất là các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao năm 2020. Công an tỉnh chỉ đạo Công an huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, chỉ đạo Công an xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện Thông tư 23/2012/TT-BCA của Bộ Công an, đầu năm có 106 xã, phường, thị trấn, 756 ấp, khóm đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT, đạt 100% chỉ tiêu đề ra. Đã tham mưu Ban Chỉ đạo các cấp xét, đề nghị công nhận 749/756 ấp (đạt 99,07%) và 101/106 xã, phường, thị trấn (đạt 95,28%) an toàn về ANTT năm 2020.

Phối hợp các ban, ngành, đoàn thể liên quan tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch phối hợp trong công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTTQ, nhất là công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện Đề án của UBND tỉnh về tăng cường quản lý, giáo dục, cảm hóa phòng ngừa thanh thiếu niên vi phạm pháp luật ở cơ sở²⁴. Ngoài ra, Công an tỉnh phối hợp với thành viên Mặt trận tổ quốc tỉnh tổ chức tổng kết Chương trình phối hợp số 04/CTr-BCA-HCCBVN ngày 18/4/2014 giữa Bộ Công an và Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, giai đoạn 2014 - 2020 về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự của đất nước trong tình hình hiện nay; phối hợp Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức sơ kết Kế hoạch số 259/KH-BCA-HLHPNVN ngày 19/6/2020 về tổng kết thực hiện Kế hoạch số 372/2017/KH-BCA-HLHPNVN ngày 29/12/2017 giữa Bộ Công an và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/TW về “*Quản lý, giáo dục người thân trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội*” giai đoạn 2017 – 2020; tổ chức hội nghị sơ kết công tác phối hợp giữa Công an tỉnh với MTTQ tỉnh gắn với sơ kết mô hình “*Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng tại cơ sở tôn giáo*”; phối hợp với Hội nông dân tổ chức sơ kết mô hình “*Nông dân 3 tốt*”. Đồng thời, lực lượng Công an cấp xã tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phối hợp với lực lượng Dân quân tự vệ, Kiểm lâm và các lực lượng có liên quan thực hiện tốt

²³ Trong đó đảng viên là 11, đoàn viên là 941; dân tộc Khmer 336; dân tộc Hoa 05; Phật giáo là 349; Công giáo 34; Cao đài 00; hộ nghèo, cận nghèo là 09 thanh niên.

²⁴ Đã giáo dục, cảm hóa 5.251 lượt đối tượng lầm lỗi tại gia đình và cộng đồng dân cư; hòa giải 58 vụ mâu thuẫn tranh chấp trong nội bộ Nhân dân; tiếp nhận, quản lý, giúp đỡ 235 người chấp hành xong án phạt tù về địa phương tái hòa nhập cộng đồng; vận động giao nộp, thu hồi 652 vũ khí, vật liệu nổ các loại,...

công tác bảo vệ ANQG, đảm bảo TTATXH và bảo vệ rừng theo Nghị định số 133/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ:

Công an tỉnh tiếp tục quán triệt thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 10/CT-BCA-V28 ngày 23/12/2015 của Bộ Công an "*Về tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Công an xã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới*"; đồng thời tham mưu cấp ủy, chính quyền triển khai thực hiện tốt Thông tư số 09/2019/TT-BCA ngày 11/4/2019 của Bộ Công an, ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy và Đề án của UBND tỉnh về việc bố trí Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Công an xã; đến nay đã điều động 514 đồng chí, bố trí ở 100% xã, thị trấn; thực hiện tốt Nghị định số 38/2006/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ dân phố và Chỉ thị số 08/CT-BCA-V28 ngày 01/11/2016 của Bộ Công an "*Về tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của Bảo vệ dân phố đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới*"; thường xuyên củng cố, nâng chất lượng hoạt động; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, đến nay lực lượng Bảo vệ dân phố có 21 ban với 741 thành viên Bảo vệ dân phố. Trên địa bàn tỉnh có 10 mô hình = 969 câu lạc bộ quần chúng tự quản về ANTT. Qua công tác xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã, thị trấn và lực lượng nòng cốt phong trào ở cơ sở đã phát huy hiệu quả, góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn nông thôn và phong trào toàn bảo vệ ANTQ rộng khắp.

- Công tác xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã:

Công an tỉnh tiếp tục quán triệt thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 10/CT-BCA-V28 ngày 23/12/2015 của Bộ Công an "*Về tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Công an xã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới*"; đồng thời tham mưu cấp ủy, chính quyền triển khai thực hiện tốt Thông tư số 09/2019/TT-BCA ngày 11/4/2019 của Bộ Công an, ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy và Đề án của UBND tỉnh về việc bố trí Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Công an xã; đến nay đã điều động 514 đồng chí, bố trí ở 100% xã, thị trấn (85 trưởng, 165 phó, 264 Công an viên).

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Được sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh; sự phối hợp giữa các Sở, ngành với các địa phương đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

- Tỉnh ủy tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo triển khai thực hiện các Chương trình thông qua việc ban hành và lồng ghép nhiều nội dung tại các Chỉ thị, Nghị quyết, Công văn uốn nắn, nhắc nhở của Tỉnh ủy tạo sự thống nhất trong quản lý điều hành chung của 3 nội dung (*Xây dựng nông thôn mới, Giảm*

nghèo bền vững và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa) nhằm sớm đạt mục tiêu đề ra.

- Qua từng giai đoạn, từng năm bộ máy quản lý, tổ chức, điều hành Chương trình đã được kiện toàn, chất lượng hoạt động ngày càng cao phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Ban Chỉ đạo tỉnh đã phân công trách nhiệm cho các thành viên BCD, các Sở, Ban ngành phụ trách từng tiêu chí, phụ trách các xã, quan tâm chỉ đạo các xã còn nhiều tiêu chí chưa đạt. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện, vì vậy, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đều được kịp thời nắm bắt và giải quyết.

- Các Sở, ngành tỉnh phối hợp tốt với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh kịp thời tham mưu cho Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí; thường xuyên kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện tiêu chí huyện, xã nông thôn mới, NTM nâng cao để đưa vào kế hoạch thực hiện trong năm. Đến nay, có 69 xã đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới (*tăng 12 xã so với năm 2019, trong đó 60 xã có quyết định công nhận và 8 xã còn lại đang hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận*); 03 đơn vị cấp huyện (*Tiểu Cần, Cầu Kè, thị xã Duyên Hải*) đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Công tác đào tạo, tập huấn được quan tâm, hằng năm tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ; tổ chức các đoàn học tập kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ vận hành Chương trình xây dựng nông thôn mới từ tỉnh đến huyện, xã đã được triển khai kịp thời nhằm học hỏi những mô hình mới, những cách làm sáng tạo của các địa phương khác.

- Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, nâng cao đời sống nhân dân đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: xuất hiện một số mô hình sản xuất sử dụng công nghệ cao, cơ sở hạ tầng nông thôn đã được đầu tư tốt; các lĩnh vực về văn hóa, giáo dục, y tế, giảm nghèo đã có nhiều chuyển biến tích cực, môi trường, an toàn thực phẩm, quốc phòng và an ninh nông thôn được đảm bảo.

- Trong năm, các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn các xã tiếp tục được đầu tư, sẽ tạo nhiều thuận lợi trong việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, cung cấp nước, điện cho sinh hoạt và sản xuất, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin thị trường, tiếp cận các dịch vụ công phục vụ đời sống, sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những tồn tại, hạn chế

- Một số địa phương (cấp xã) trong quá trình thực hiện có thời điểm chưa thực sự thường xuyên, quyết liệt. Một số Sở, ban, ngành, đơn vị phụ trách các tiêu chí xây dựng kế hoạch thực hiện chưa sát tình hình thực tế.

- Phong trào xây dựng nông thôn mới khi triển khai thực hiện đang nặng về đầu tư cơ sở hạ tầng, chưa thật sự quan tâm về phát triển sản xuất nhất là liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Năng lực, trình độ một số cán bộ phụ trách nông thôn mới cấp xã còn hạn chế nên công tác tham mưu đôi khi chưa đáp ứng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn tư tưởng trông chờ vào sự đầu tư của cấp trên, thiếu chủ động, sáng tạo.

- Các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất còn ít. Một số HTX hoạt động chưa đúng Luật HTX năm 2012, còn mang tính hình thức, hoạt động chưa đúng các quy định, phương án sản xuất kinh doanh chưa cụ thể và kém hiệu quả, khâu sản xuất chưa gắn với tiêu thụ sản phẩm, vì thế, hiệu quả hoạt động chưa cao.

- Về tiêu chí Nhà ở dân cư của một số xã mặc dù được hỗ trợ xóa nhà tạm theo các chính sách của Trung ương. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hộ nằm trong đối tượng được hỗ trợ nhưng không vay vốn để xây dựng nhà (*y lại, trông chờ Nhà nước*) làm cho số nhà ở chưa đạt chuẩn theo quy định còn nhiều.

- Lĩnh vực y tế: công tác phối hợp tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế còn hạn chế, nhiều địa phương không giữ vững nội dung tiêu chí này sau khi xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về môi trường: nhìn chung trên địa bàn tỉnh môi trường có sự thay đổi rõ nét, nhiều địa phương có nhiều tuyến đường sáng, xanh, sạch, đẹp, nhiều tuyến đường hoa đẹp được hình thành và ngày càng được nhân rộng. Tuy nhiên, vẫn còn một số nơi môi trường xuống cấp, gây ô nhiễm, vấn đề này cần tiếp tục và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức người dân thực hiện nếp sống “5 không, 3 sạch”.

- Ban Chỉ đạo các huyện phân lớn tập trung đầu tư, xây dựng đối với các xã chưa đạt chuẩn. Đối với các xã đã đạt chuẩn lại ít hoặc không tổ chức rà soát, đánh giá để có kế hoạch hỗ trợ BCD các xã nâng chất các tiêu chí đã đạt.

- Việc tổng hợp báo cáo, cung cấp thông tin của các địa phương chưa kịp thời, đặc biệt không đảm bảo nội dung quy định, gây khó khăn trong công tác tổng hợp báo cáo cấp trên.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Do biến đổi khí hậu xâm nhập mặn sâu vào nội đồng và tình hình dịch bệnh Covid-10 diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng lớn đến nông nghiệp của tỉnh, làm chậm công tác tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới và tiến độ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của các địa phương.

- Chưa có sự vào cuộc kịp thời và đồng bộ của các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và hệ thống dọc; các địa phương (*huyện, xã*) chưa quyết liệt, chưa chủ động và đồng bộ trong việc triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nhận thức cách tiếp cận về tái cơ cấu, tư duy cũ trong nhiều lĩnh vực còn chậm thay đổi, việc huy động nhiều nguồn vốn để đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn, tạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn khó khăn.

- Việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất và các loại hình kinh tế nông thôn còn chậm; thiếu doanh nghiệp có năng lực tham gia đầu tư nhiều vào nông nghiệp và nông thôn, tham gia liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, chủ yếu là chỉ tham gia liên kết để bán vật tư đầu vào.

- Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, vai trò của chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể các cấp có lúc, có nơi chưa thật sự quyết liệt, thiếu tính kiên quyết, kiên trì trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, có nơi còn bông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, thiếu sâu sát, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, chấn chỉnh; vai trò nêu gương, tính mẫu mực của một số cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên chưa nghiêm trong việc tiên phong, đi đầu thực hiện các nhiệm vụ.

- Vai trò của Ban Chỉ đạo các cấp, nhất là cơ quan thường trực cấp huyện, xã, bộ phận tham mưu, giúp việc chưa thật sự sâu sát, tham mưu chưa toàn diện, thiếu trọng tâm, trọng điểm, nhất là các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện trong điều kiện thực tế tại cơ sở.

C. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2021

I. MỤC TIÊU

- Có 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới, gồm: Hòa Lợi, Phước Hảo, Đa Lộc, huyện Châu Thành; Thanh Sơn, An Quảng Hữu huyện Trà Cú; Đôn Xuân huyện Duyên Hải; Thuận Hòa, Nhị Trường huyện Cầu Ngang. Cùng 3 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 (*gồm Tân Hiệp, Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú; xã Thanh Hòa Sơn, huyện Cầu Ngang*).

- Phấn đấu có 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM (*huyện Châu Thành*).

- Có 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, gồm: An Phú Tân, Thông Hòa, huyện Cầu Kè; Long Toàn, Dân Thành, thị xã Duyên Hải; Đông Hải, huyện Duyên Hải; Vinh Kim, huyện Cầu Ngang; Tân Sơn, huyện Trà Cú; Long Thới, huyện Tiểu Cần; Đức Mỹ, huyện Càng Long; Hưng Mỹ, huyện Châu Thành. Cùng 10 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021 (*gồm Tam Ngãi, Phong Phú, huyện Cầu Kè; Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải; Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang; Ngọc Biên, Đại An, huyện Trà Cú; Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần; Tân Bình, Đại Phước, huyện Càng Long và Hòa Minh, huyện Châu Thành*).

- Phấn đấu mỗi đơn vị cấp huyện có ít nhất 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Mỗi xã tăng thêm ít nhất 02 tiêu chí so với năm 2020.

- Không còn xã dưới 14 tiêu chí theo quy định.

- Phấn đấu tăng tỷ lệ áp dụng chuẩn áp Văn hóa và áp Nông thôn mới lên mức 90%; Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn Văn hóa, nông thôn mới lên mức 95%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh từ 1 - 1,5%, đồng bào dân tộc Khmer giảm từ 1,5 - 2% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 – 2020.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN

1. Rà soát, ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 thay thế các văn bản đã hết thời gian thực hiện (giai đoạn 2016-2020).

2. Tăng cường phối hợp, hỗ trợ huyện, xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao, tập trung chỉ đạo, hỗ trợ huyện Châu Thành đạt chuẩn huyện nông thôn mới; 08 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới và 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

3. Về cơ chế chính sách: Nghiên cứu cách tiếp cận mới, đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, đảm bảo tính bền vững; rà soát, bổ sung, điều chỉnh, xây dựng chương trình, đề án cụ thể để thực hiện các tiêu chí nông thôn mới; bổ sung, hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư của các doanh nghiệp về nông thôn; đề xuất phương án cân đối ngân sách địa phương cùng với ngân sách Trung ương và huy động tối đa các nguồn lực khác để thực hiện chương trình.

4. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch cấp xã, chỉnh trang tạo diện mạo nông thôn mới đảm bảo hợp lý, hài hòa; xây dựng quy hoạch vùng huyện đảm bảo kết nối giữa nông thôn với thành thị gắn với sản xuất hàng hóa tập trung.

5. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, giảm nghèo và an sinh xã hội; hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu đã có trên địa bàn xã: (*giao thông, điện, nước sạch, trường học các cấp, trạm y tế xã, nhà văn hóa ấp*), tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và tăng hưởng thụ trực tiếp cho người dân nông thôn.

6. Huy động đa dạng và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho Chương trình từ nguồn lực hỗ trợ của ngân sách Nhà nước. Ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, của Tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố phải chủ động dành một phần nguồn lực từ ngân sách địa phương hỗ trợ cho Chương trình xây dựng nông thôn mới; có cơ chế phù hợp để huy động được nhiều nguồn lực ngoài ngân sách: tín dụng, phát triển doanh nghiệp, vận động đóng góp từ người dân; chú trọng đầu tư hoàn thành các công trình hạ tầng cơ bản (*giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, thủy lợi*); hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường;

7. Nâng cao chất lượng an ninh, trật tự an toàn xã hội nông thôn, tập trung xử lý các điểm nóng về trật tự xã hội nông thôn; đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

8. Tiếp tục nâng cao chất lượng các xã đạt chuẩn nông thôn mới đảm bảo đúng theo quy định, tránh tình trạng đánh giá các tiêu chí đạt không đúng với

qui định. Coi trọng các nội dung tổ chức sản xuất, tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển ngành nghề, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao thu nhập, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp, đảm bảo an ninh trật tự ngày càng tốt hơn để nông thôn mới phát triển bền vững.

9. Về Điều hành, quản lý chương trình, thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo, văn phòng điều phối các cấp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các đoàn thể chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Chương trình; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo các cấp, đối với thực hiện ở cấp dưới để đảm bảo sự phát triển đúng hướng và có hiệu quả của Chương trình.

Trên đây là kết quả triển khai thực hiện các Chương trình MTQG và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021./.

Nơi nhận:

- VPĐP NTM TW (b/c);
- Trưởng BCĐ tỉnh;
- Thành viên BCĐ tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM;
- BCĐ các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VPĐP.

KT. TRƯỞNG BAN *Tiền*
PHÓ TRƯỞNG BAN



Phạm Minh Truyền
GD. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 01 /BC-BCĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021

STT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách
1		406/QĐ-UBND, ngày 09/3/2020	Về việc thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Ban hành Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.
2		2006/QĐ-UBND, ngày 13/4/2020	Về việc phê duyệt bổ sung "Danh mục dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm" thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 kèm theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Phê duyệt "Danh mục dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm" thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 kèm theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.	Phê duyệt "Danh mục dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm" thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 kèm theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
3	Quyết định	25/QĐ-BCĐ, ngày 24/3/2020	Ban hành Chương trình công tác năm 2020 của Ban Chi đạo các Chương trình MTQG và Phong trào TĐĐKXDĐSVH tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020 về thực hiện Chương trình XD NTM trên địa bàn tỉnh	Chương trình công tác năm 2020 của Ban Chi đạo các Chương trình MTQG và Phong trào TĐĐKXDĐSVH tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020 về thực hiện Chương trình XD NTM trên địa bàn tỉnh	Chương trình công tác năm 2020 của Ban Chi đạo các Chương trình MTQG và Phong trào TĐĐKXDĐSVH tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020 về thực hiện Chương trình XD NTM trên địa bàn tỉnh

4	2924/QĐ-UBND, ngày 12/8/2020	Thành lập Đoàn thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; thẩm tra huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Thành lập Đoàn thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; thẩm tra huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Thành lập Đoàn thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; thẩm tra huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
5	58-CT/TU, ngày 01/4/2020	Chi thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh	Chi thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh
6	25/KH-UBND, ngày 28/5/2020	Kế hoạch tổ chức Lễ Công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và đón nhận Bằng công nhận huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019.	Tổ chức Lễ Công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và đón nhận Bằng công nhận huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019	Tổ chức Lễ Công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và đón nhận Bằng công nhận huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019

7	Kế hoạch	33/KH-UBND, ngày 13/7/2020	Kế hoạch triển khai thực hiện Chi thị số 58-CT/TU ngày 01/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch triển khai thực hiện Chi thị số 58-CT/TU ngày 01/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch triển khai thực hiện Chi thị số 58-CT/TU ngày 01/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh
---	-----------------	----------------------------	---	---	---

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN TRONG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 01 /BC-BCĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021)

STT	Các Sở, ngành	Số cuộc	Lượt người tham dự	Nội dung
1	Ban Dân tộc	31	3813	hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số; , phổ biến chính sách pháp luật về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng dân tộc thiểu số;... Tuyên truyền các biện pháp kỹ thuật, an toàn tiết kiệm điện, hành lang an toàn lưới điện cao áp,...
2	Sở Công Thương	13	1130	
3	Ban Dân vận Tỉnh ủy	19.769	679.103	19 tiêu chí NTM, tiêu chuẩn áp nông thôn mới, tiêu chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới gắn với thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình “05 không 03 sạch”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; “Tuổi trẻ Trà Vinh chung tay xây dựng nông thôn mới”, “Sản xuất kinh doanh giỏi”; các cơ chế, chính sách liên quan đến Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
4	Công an tỉnh	2.370	11.000	Tuyên truyền nâng cao ý thức, tinh thần tránh nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, ma túy, chấp hành luật giao thông, PCCC...
5	Hội Cựu Chiến binh tỉnh	828	18.751	Tuyên truyền bảo vệ môi trường lồng ghép với các đợt ra quân làm vệ sinh môi trường, Chi thị 15, Chi thị 48 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tuyên truyền xóa cầu vệ sinh trên ao, hồ, xây dựng hố xí hợp vệ sinh, sắp xếp chuồng trại chăn nuôi, tạo cảnh quang môi trường xanh, sạch, đẹp.

6	Hội Liên hiệp Phụ nữ	14.706	343.532	<p>tuyên truyền đến cán bộ, hội viên, phụ nữ chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới như: triển khai phát động thực hiện phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”; phong trào thi đua “Dân vận khéo”, cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”; phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam “Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang” gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” chuyên đề năm 2020 “Tăng cường khôi đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và chủ đề năm 2020 của TW Hội “An toàn cho phụ nữ và trẻ em”.</p> <p>Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về Chương trình xây dựng nông thôn mới và Phong trào Toàn dân ĐKXDDSVH.</p> <p>Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về Chương trình xây dựng nông thôn mới và Phong trào Toàn dân ĐKXDDSVH.</p> <p>Tuyên truyền về các hoạt động tham gia xây dựng nông thôn mới; những bài viết về cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả, phản ánh những mô hình điển hình trong phong trào xây dựng NTM</p> <p>Nội dung 19 tiêu chí xã nông thôn mới, xã văn hóa; các tiêu chuẩn áp văn hóa, áp nông thôn mới; tiêu chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới; bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; vận động chính trang cảnh quang môi trường; xây dựng hố xí hợp vệ sinh, xây dựng hàng rào cây xanh, phát hoang bụi rậm các tuyến đường giao thông nông thôn,...</p>
7	Hội Nông dân	2.011	58.163	
8	Ủy ban MTTQVN tỉnh Trà Vinh	14.548	872.880	
9	Tỉnh đoàn	6.185	362.194	
10	Ban Chỉ đạo các huyện, xã	3.522	104.521	
	Tổng cộng	63.983	2.455.087	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÃ, ÁP, HỘ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020
(Đính kèm Báo cáo số **01** /BC-VPĐP ngày **31** tháng **3** năm 2021)

TT	Tên xã	Tổng số xã của huyện	Xã đạt chuẩn NTM		Bình quân tiêu chí/xã	Áp, hộ gia đình văn hóa nông thôn mới				Ghi chú
			Số xã	Tên xã		Tỷ lệ (%)	áp VH, NTM	Tỷ lệ (%)	hộ gia đình VH, NTM	
1	Huyện Càng Long	13	13	Nhị Long Phú, An Trường, Tân Bình, Mỹ Cẩm, Đại Phước, Đức Mỹ, Đại Phước, Phương Thạnh, Tân An, An Trường A; Bình Phú; Nhị Long; Huyện Hộ	17,92	95	85,6	26.670	82,52	
2	Huyện Cầu Ngang	13	6	Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông, Mỹ Long Bắc, Hiệp Mỹ Tây, Vĩnh Kim, Kim Hòa	15,46	73	81,1	30.454	93,38	
3	Huyện Cầu Kè	10	10	An Phú Tân, Ninh Thới, Thạnh Phú, Thông Hòa, Tam Ngãi, Châu Điền, Phong Phú, Hòa Ân, Hòa Tân, Phong Thạnh.	19	60	98,4	27.895	94,49	
4	Huyện Châu Thành	13	7	Hưng Mỹ, Hòa Minh, Lương Hòa A, Hòa Thuận, Nguyệt Hòa, Long Hòa, Thanh Mỹ	16,92	78	75,7	33.826	91,23	
5	Huyện Duyên Hải	6	3	Đông Hải, Long Vĩnh, Long Khánh	16,17	39	72,2	17.704	92,66	
6	TX. Duyên Hải	5	5	Dân Thành, Long Hữu, Trường Long Hòa, Hiệp Thạnh, Long Toàn	19	26	100	8.665	92,53	

7	Huyện Trà Cú	15	6	Tân Sơn, Ngọc Biên, Tập Sơn, Đại An, Định An, Lưu Nghiệp Anh	40	16,33	112	97,4	34.886	92,70
8	Huyện Tiểu Cần	9	9	Phú Cán, Tập Ngãi, Hiếu Trung, Tân Hùng, Hiếu Từ, Long Thới, Hùng Hòa, Ngãi Hùng, Tân Hòa	100	19	69	100	24.466	96,59
9	TP. Trà Vinh	1	1	Long Đức	100	19	12	100	4.471	95,49
	Tổng cộng	85	60	-			564	87,99	209.037	91,82

TỔNG TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI THEO NHÓM
(Kèm theo Báo cáo số 01 /BC-BCĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021)

(85 xã)

TT	Nhóm	Kết quả đạt tiêu chí NTM	Tính đến tháng 12/2020		Ghi chú
			Số lượng (xã)	Tỷ lệ (%)	
1	Nhóm 1	Số xã đạt 19 tiêu chí	69	81,18	
2	Nhóm 2	Số xã đạt 18 tiêu chí	0	0,00	
3		Số xã đạt 17 tiêu chí	1	1,18	
4		Số xã đạt 16 tiêu chí	4	4,71	
5		Số xã đạt 15 tiêu chí	2	2,35	
6	Nhóm 3	Số xã đạt 14 tiêu chí	6	7,06	
7		Số xã đạt 13 tiêu chí	2	2,35	
8		Số xã đạt 12 tiêu chí	1	1,18	
9		Số xã đạt 11 tiêu chí	0	0,00	
10	Nhóm 4	Số xã đạt 10 tiêu chí	0	0,00	
11		Số xã đạt 09 tiêu chí	0	0,00	
12		Số xã đạt 08 tiêu chí	0	0,00	
13		Số xã đạt 07 tiêu chí	0	0,00	
14	Nhóm 5	Số xã đạt 06 tiêu chí	0	0,00	
15		Số xã đạt 05 tiêu chí	0	0,00	
16		Số xã đạt 04 tiêu chí	0	0,00	
17		Số xã đạt 03 tiêu chí	0	0,00	
18		Số xã đạt 02 tiêu chí	0	0,00	
19		Số xã đạt 01 tiêu chí	0	0,00	
20		Số xã đạt 0 tiêu chí	0	0,00	

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG VÀ PHONG TRÀO TĐKKXĐĐSVH NĂM 2020**

(Kèm theo Báo cáo số 01 /BC-BCĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung chi tiêu	TỔNG CỘNG	Chương trình XD NTM	Chương trình Giảm nghèo bền vững	Phong trào Toàn dân ĐKKXĐĐSVH
	TỔNG SỐ	7.659.642,3	4.007.396,3	3.652.246	
I	NGÂN SÁCH TW	398.542	293.170	105.372	
1	Đầu tư phát triển	291.689	217.770	73.919	
2	Sự nghiệp kinh tế	106.853	75.400	31.453	
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.766.447	231.273	3.535.174	
III	VỐN LÒNG GHÉP	1.257.265	1.257.265,3		
IV	VỐN TÍN DỤNG	2.150.078	2.150.078		
V	VỐN DOANH NGHIỆP	21.852	21.852		
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VÀ VỐN KHÁC	65.458	53.758	11.700	
VII	TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ	-	-		